

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 6 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hiện

Ông Phan Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980 (Có mặt);

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị X chung sống với nhau vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không có thiện chí hàn gắn trở lại. Do không còn tình cảm với chị X nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị X.

- Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Văn Linh, sinh ngày 26/5/2002 và Nguyễn Giang Trường, sinh ngày 01/10/2012.

Đối với Nguyễn Văn Linh: Do cháu Linh đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Nguyễn Giang Trường: Khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trường; không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi cháu Trường.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị X: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị X để tham dự phiên tòa nhưng chị X không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị X về các nội dung khởi kiện của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị X.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị X.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Văn Linh, sinh ngày 26/5/2002 và Nguyễn Giang Trường, sinh ngày 01/10/2012.

Đối với cháu Nguyễn Văn Linh: Hiện cháu Linh đã thành niên, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Giang Trường: Khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trường. Xét thấy, từ khi anh H và chị X ly thân đến nay, anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trường; anh H xác định có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trường; hơn nữa cháu Trường cũng có nguyện vọng được sống với cha là anh H. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Trường, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, giao cháu Trường cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi cháu Trường: Anh H xác định sẽ tự thỏa thuận với chị X, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh H xác định sẽ tự thỏa thuận với chị X, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị X về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Anh H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị X về nợ chung nên Hội đồng

xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị X.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Giang Trường, sinh ngày 01/10/2012 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trường mà không ai được cản trở. Chị X có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Trường được sống chung với anh H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

1. Án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004771 ngày 09/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà